
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 35
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>07 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2019</i>	<i>14 – 35</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324240 ngày 09 tháng 06 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 07 tháng 09 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 06: 373.859.830.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 32 đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Điện thoại : 038 3 844 208
Fax : 038 8 668 118
Email : nawasco@gmail.com
Mã số thuế : 2 9 0 0 3 2 4 2 4 0

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 35.

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ Tịch
Ông Hoàng Văn Hải	Phó Chủ Tịch
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Nghệ An, ngày 02 tháng 3 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

Số : 0907.01.02/2019/NVT2-BCTC
Ngày : 02 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2020 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ý kiến khác

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY – Chi nhánh miền Trung với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Vấn đề lưu ý

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VII.7 về việc thay đổi ước tính kế toán đối với khấu hao tài sản cố định trong năm 2019 theo quyết định của Hội đồng quản trị. Do áp dụng khung khấu hao mới, chi phí khấu hao trong năm 2019 của Công ty tăng lên 18.478.355.252 VND so với cùng kỳ năm trước.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến của chúng tôi.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Vũ Thị Thiết

GCNĐKHNTK số: 3980-2017-124-1

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		189.372.745.910	120.910.537.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	124.892.518.528	66.468.355.337
1. Tiền	111		11.050.289.134	21.824.567.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.842.229.394	44.643.788.210
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.439.013.133	38.579.484.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	37.184.679.363	34.823.756.296
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.648.402.094	1.614.615.569
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	4.175.486.740	3.067.921.070
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(14.569.555.064)	(926.808.896)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		26.387.476.003	15.862.697.800
1. Hàng tồn kho	141	V.6	26.387.476.003	15.862.697.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.653.738.246	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.591.989.562	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	61.748.684	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		580.440.935.072	646.156.223.394
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		200.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	200.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		566.405.881.719	621.781.931.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	560.420.512.141	615.708.056.520
<i>Nguyên giá</i>	222		1.081.142.315.897	1.075.842.572.990
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(520.721.803.756)	(460.134.516.470)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.985.369.578	6.073.875.262
<i>Nguyên giá</i>	228		6.209.410.000	6.209.410.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(224.040.422)	(135.534.738)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.324.244.212	12.234.986.112
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	13.324.244.212	12.234.986.112
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		510.809.141	12.139.305.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	510.809.141	12.139.305.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		769.813.680.982	767.066.760.570

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		395.777.384.598	393.799.175.685
I. Nợ ngắn hạn	310		136.570.653.976	108.007.177.507
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	70.499.046.630	53.211.330.734
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.319.841.080	1.438.255.383
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.423.473.384	9.662.179.102
4. Phải trả người lao động	314		8.472.709.977	6.806.101.909
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	12.399.909.093	4.070.159.572
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6.494.012.484	5.797.876.570
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	26.585.267.556	26.585.267.556
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	376.393.772	436.006.681
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		259.206.730.622	285.791.998.178
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	259.206.730.622	285.791.998.178
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		374.036.296.384	373.267.584.885
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	374.036.296.384	373.267.584.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.466.384	(592.245.115)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(592.245.115)	(619.505.125)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		768.711.499	27.260.010
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		769.813.680.982	767.066.760.570

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

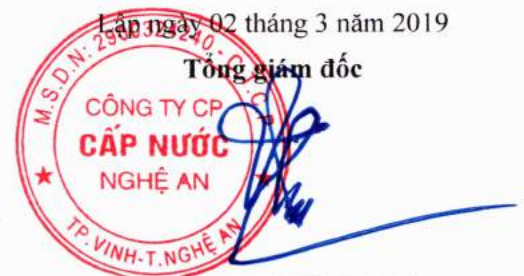
Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2019

Tổng giám đốc



Hoàng Văn Hải

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

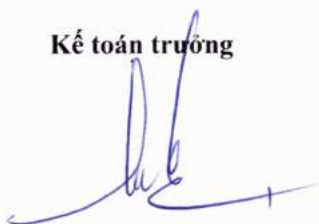
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		253.990.980.366	209.159.704.388
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.788.904	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	253.977.191.462	209.159.704.388
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	192.181.893.551	158.530.923.534
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.795.297.911	50.628.780.854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.477.175.403	2.310.379.182
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.114.983.870	15.236.445.781
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.114.983.495	15.236.445.781
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.282.235.543	18.081.080.495
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	36.615.215.973	19.933.567.250
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		260.037.928	(311.933.490)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	558.333.432	474.022.799
12. Chi phí khác	32	VI.8	12.358.268	126.643.542
13. Lợi nhuận khác	40		545.975.164	347.379.257
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		806.013.092	35.445.767
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	37.301.593	8.185.757
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		768.711.499	27.260.010
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	20,56	0,73

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2019

Tổng giám đốc



Hoàng Văn Hải

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		291.546.342.297	238.438.360.994
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(125.058.298.435)	(120.701.207.425)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.675.961.881)	(43.148.924.811)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(14.359.107.515)	(15.515.054.205)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(107.236.034)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.621.663.450	23.995.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.900.792.875)	(18.288.451.616)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		86.066.609.007	40.808.717.937
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.816.180.197)	(7.917.612.105)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.759.001.487	2.273.662.778
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.057.178.710)	(5.643.949.327)

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.316.063.873
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.585.267.106)	(26.585.267.556)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.585.267.106)	(25.269.203.683)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		58.424.163.191	9.895.564.927
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	66.468.355.337	56.572.790.410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	124.892.518.528	66.468.355.337

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Khai thác, xử lý và cung cấp nước

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước khô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình cấp thoát nước).
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Công trình công nghiệp, thủy lợi, đường đất và trạm biến áp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí và công nghệ nhà máy sản xuất nước;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu dự án công trình cấp thoát nước);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư kinh doanh địa ốc, nhà ở chung cư, dịch vụ quản lý chung cư và cao ốc văn phòng);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước đến cấp 3);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng các công trình xây dựng cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu trong chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Mua bán vật liệu xây dựng và vật tư thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Lắp đặt hệ thống phòng, chữa cháy; trụ cứu hỏa);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước;

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Văn phòng công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, Tp Vinh, Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 46, đường Phan Đăng Lưu, Tp Vinh, Nghệ An
Xí nghiệp dịch vụ cấp nước Tp.Vinh	Số 46, đường Phan Đăng Lưu, Tp Vinh, Nghệ An
Xí nghiệp sản xuất nước Tp.Vinh	Số 115, Nguyễn Sinh Sắc, Tp Vinh, Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, TT Nam Đàn, Huyện Nam Đàn, Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, Xã Đông Sơn, Huyện Đô Lương, Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, Thị trấn Con Cuông, Huyện Con Cuông, Nghệ An

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, Thị trấn Anh Sơn, Huyện Anh Sơn, Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, Xã Kỳ Tân, Huyện Tân Kỳ, Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, TT Thanh Chương, Huyện Thanh Chương, Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, Thị trấn Tân Lạc, Huyện Quỳnh Châu, Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, Thị trấn Quỳnh Hợp, Huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, Huyện Tương Dương, Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, Huyện Kỳ Sơn, Nghệ An

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo quy định tại Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu, áp dụng cho năm tài chính 2019.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá xuất hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu, áp dụng cho năm tài chính 2019.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 14/BB-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2019 đã thông qua phương án thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định của Công ty để sớm thu hồi vốn, đồng thời đổi mới công nghệ, tạo nguồn vốn để thực hiện dự án cải tạo mạng lưới thoát nước thành phố Vinh giai đoạn 01. Thời gian khấu hao của tài sản sau khi được thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Các tài sản khác	10 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ Vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài và Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định

Quyền sử dụng đất lâu dài

Phần mềm máy tính

Số năm

Không trích khấu hao

04 – 15

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, lắp đặt cải tạo đường ống dẫn nước

Là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc cải tạo, sửa chữa đường ống dẫn nước cho các công trình nước phục vụ sản xuất nước sạch, được phân bổ vào chi phí với thời gian không quá 02 năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “Chi phí đi vay”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

d) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	99.008.489	128.238.725
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.951.280.645	21.696.328.402
Các khoản tương đương tiền	113.842.229.394	44.643.788.210
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Vinh</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>19.124.767.123</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại NH ĐT&PTVN - Chi nhánh Nghệ An</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại NH ĐT&PTVN - Chi nhánh Phú Diễn</i>	<i>78.842.229.394</i>	<i>10.519.021.087</i>
Cộng	<u>124.892.518.528</u>	<u>66.468.355.337</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BQL dự án ĐTXD cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	3.069.641.000
Khách hàng sử dụng nước sạch	22.999.629.859	20.715.470.792
Các khách hàng khác	11.115.408.504	11.038.644.504
Cộng	<u>37.184.679.363</u>	<u>34.823.756.296</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TK Cộng	5.577.000.000	-
CTTNHH TB&HC CN Trường Thi	914.743.830	-
Công ty CP XD&TM Đại Hùng	311.700.000	311.700.000
Các nhà cung cấp khác	2.844.958.264	1.302.915.569
Cộng	<u>9.648.402.094</u>	<u>1.614.615.569</u>

**4. Phải thu khác
a, Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Lãi tiền gửi dự thu	1.011.190.548	-	293.017.007	-
Tạm ứng	2.714.299.774	(553.795.112)	2.168.806.709	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	449.996.418	(317.132.368)	606.097.354	(258.948.668)
Cộng	<u>4.175.486.740</u>	<u>(870.927.480)</u>	<u>3.067.921.070</u>	<u>(258.948.668)</u>

b, Dài hạn

Là khoản phải thu bảo lãnh cố định.

hl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng	-	14.282.740.489	12.288.867.470	-	14.282.740.489	350.907.208
BQL dự án ĐTXD cơ bản huyện Quế Phong	Quá hạn trên 1 năm dưới 2 năm	3.069.641.000	1.534.820.500	Quá hạn từ 06 tháng tới 1 năm	3.069.641.000	-
Công trình Hồ Bá Hạ	Khó có khả năng thu hồi	2.197.138.000	2.197.138.000		2.197.138.000	-
UBND xã Nghi Kim- Nghi Lộc	Khó có khả năng thu hồi	1.554.035.000	1.554.035.000		1.554.035.000	-
UBND xã Thanh Tường	Khó có khả năng thu hồi	1.309.272.998	1.309.272.998		1.309.272.998	-
Ban QLDA chương trình 134 - huyện Con Cuông	Khó có khả năng thu hồi	1.004.529.000	1.004.529.000		1.004.529.000	-
Các đối tượng khác		5.146.983.791	4.689.071.972		365.408.945	350.907.208
Các khoản trả trước cho người bán	-	1.443.521.064	1.409.760.114	-	1.499.921.064	316.953.020
Công ty CP XD&TM Đại Hùng	Quá hạn trên 3 năm	311.700.000	311.700.000		311.700.000	-
Sở Tài chính Nghệ An	Quá hạn trên 3 năm	309.668.000	309.668.000		309.668.000	-
Ban QLDA cấp nước vùng phụ cận Thành phố Vinh	Quá hạn trên 3 năm	214.239.329	214.239.329		214.239.329	-
Công ty CP tư vấn quản lý quốc tế	Quá hạn trên 3 năm	200.000.000	200.000.000		200.000.000	-
Các đối tượng khác		407.913.735	374.152.785		464.313.735	316.953.020
Các khoản phải thu khác		870.927.480	870.927.480		870.927.480	258.948.668
Hồ Thị Liên	Khó có khả năng thu hồi	302.237.000	302.237.000		302.237.000	-
Hồ Thị Bích Hải	Khó có khả năng thu hồi	103.153.000	103.153.000		103.153.000	-
Ban quản lý DA Vinh	Khó có khả năng thu hồi	92.326.000	92.326.000	Khó có khả năng thu hồi	92.326.000	92.326.000
Các đối tượng khác	Khó có khả năng thu hồi	373.211.480	373.211.480	Khó có khả năng thu hồi	166.622.668	166.622.668
Cộng		16.596.048.333	14.569.555.064		16.653.589.033	926.808.896

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.984.365.084		11.982.835.185	-
Công cụ, dụng cụ	2.113.416.245		338.570.827	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.289.694.674		3.541.291.788	-
Cộng	26.387.476.003	-	15.862.697.800	-

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	506.545.777.543	105.163.815.565	459.320.335.798	572.975.000	4.239.669.084	1.075.842.572.990
Mua trong năm	-	4.042.536.364	1.257.206.543	-	-	5.299.742.907
Số cuối năm	506.545.777.543	109.206.351.929	460.577.542.341	572.975.000	4.239.669.084	1.081.142.315.897
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	20.853.497.588	725.000.000	-	-	21.578.497.588
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	159.777.619.445	82.710.265.465	215.155.517.378	258.621.543	2.232.492.639	460.134.516.470
Khấu hao trong năm	23.424.938.187	12.946.427.472	23.776.344.528	100.403.570	339.173.529	60.587.287.286
Số cuối năm	183.202.557.632	95.656.692.937	238.931.861.906	359.025.113	2.571.666.168	520.721.803.756
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	346.768.158.098	22.453.550.100	244.164.818.420	314.353.457	2.007.176.445	615.708.056.520
Số cuối năm	323.343.219.911	13.549.658.992	221.645.680.435	213.949.887	1.668.002.916	560.420.512.141

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.690.610.000	518.800.000	6.209.410.000
Số cuối năm	5.690.610.000	518.800.000	6.209.410.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		135.534.738	135.534.738
Khấu hao trong năm		88.505.684	88.505.684
Số cuối năm	-	224.040.422	224.040.422
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.690.610.000	383.265.262	6.073.875.262
Số cuối năm	5.690.610.000	294.759.578	5.985.369.578

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	9.259.770.889	-	-	9.259.770.889
<i>XDCB kê cầu mượn và tuyến ống Hưng Chính</i>	4.435.845.363	-	-	4.435.845.363
<i>XDCB cấp nước sạch cho dân cư thành phố Vinh và Hưng Nguyên</i>	272.727.273	-	-	272.727.273
<i>XDCB Dự án chống thất thoát</i>	4.551.198.253	-	-	4.551.198.253
Sửa chữa tài sản cố định	2.975.215.223	5.386.889.415	(4.297.631.315)	4.064.473.323
Cộng	12.234.986.112	5.386.889.415	(4.297.631.315)	13.324.244.212

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	405.089.606	556.639.998
Chi phí sửa chữa tài sản cố định, lắp đặt cải tạo miễn phí	75.024.697	10.687.413.972
Các chi phí trả trước dài hạn khác	30.694.838	895.251.530
Cộng	510.809.141	12.139.305.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam	32.128.318.365	32.128.318.365	25.056.538.650	25.056.538.650
Công ty cổ phần Hà Huy	4.085.678.000	4.085.678.000	4.085.678.000	4.085.678.000
Công ty cổ phần Hawaco	1.573.694.700	1.573.694.700	1.573.694.700	1.573.694.700
Công ty CP Quản Lý & PTHT Đô Thị Vinh	7.626.470.825	7.626.470.825	5.740.597.968	5.740.597.968
Các nhà cung cấp khác	25.084.884.740	25.084.884.740	16.754.821.416	16.754.821.416
Cộng	70.499.046.630	70.499.046.630	53.211.330.734	53.211.330.734

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đại Huệ	278.181.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Vinh	-	355.000.000
Khách hàng trả trước tiền nước	2.133.928.465	37.576.341
Các khách hàng khác	1.907.731.615	1.045.679.042
Cộng	4.319.841.080	1.438.255.383

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm	Số nộp thừa cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	206.552.406	4.443.311.801	4.649.864.207	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu		293.890.411	293.890.411	-	-
Thuế GTGT của Dự Án PCV	8.905.413.327	-	2.000.000.000	6.905.413.327	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.185.757	37.301.593	107.236.034	-	61.748.684
Thuế thu nhập cá nhân	45.411.643	20.460.150	45.411.643	20.460.150	-
Thuế tài nguyên	6.800.760	92.209.120	91.061.060	7.948.820	-
Tiền thuê đất		101.805.066	101.805.066	-	-
Các loại thuế khác		22.804.306	21.984.910	819.396	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	489.815.209	6.018.913.824	6.019.897.342	488.831.691	-
Cộng	9.662.179.102	11.030.696.271	13.331.150.673	7.423.473.384	61.748.684

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Thuế suất 5% đối với nước bán sử dụng mục đích sinh hoạt.

Thuế Suất 10% đối với nước đóng chai.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.9

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	2.586.316.513	2.830.440.533
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	318.872.580	289.981.388
Trích trước chi phí sửa chữa	9.245.000.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	249.720.000	949.737.651
Cộng	12.399.909.093	4.070.159.572

15. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	453.605.442	206.137.766
Bảo hiểm xã hội	53.197.097	133.437.416
Phải trả liên doanh Vatech Wabag Wassenco	377.466.458	377.466.458
Phải trả liên doanh Yietc constrensim Holdings	256.204.277	256.204.277
Phải trả về cổ phần hóa	14.300.000	14.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	77.084.800	23.995.000
Phải trả ông Phạm Văn Quế tiền vay vốn	1.100.592.274	1.100.592.274
Phải trả phí bảo vệ môi trường	1.235.929.364	582.035.150
Phải trả phí thoát nước	194.721.390	171.955.554
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.730.911.382	2.931.752.675
Cộng	6.494.012.484	5.797.876.570

16. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả dự án Vinh	9.253.288.004	9.253.288.004	9.253.288.004	9.253.288.004
Vay dài hạn đến hạn trả dự án phụ cận Vinh	17.033.174.552	17.033.174.552	17.033.174.552	17.033.174.552
Tiền nộp thuế đến hạn trả	298.805.000	298.805.000	298.805.000	298.805.000
Cộng	26.585.267.556	26.585.267.556	26.585.267.556	26.585.267.556

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	26.585.267.556	26.585.267.556	(26.585.267.106)	(450)	26.585.267.556
Cộng	26.585.267.556	26.585.267.556	(26.585.267.106)	(450)	26.585.267.556

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn dự án Vinh (i)	60.146.372.032	60.146.372.032	69.399.660.036	69.399.660.036
Vay dài hạn dự án phụ cận Vinh (ii)	195.881.507.364	195.881.507.364	212.914.681.916	212.914.681.916
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (iii)	1.792.829.979	1.792.829.979	2.091.634.979	2.091.634.979
Vay dài hạn Tiểu dự án mạng giảm thất thoát nước Thành phố Vinh (iv)	1.386.021.247	1.386.021.247	1.386.021.247	1.386.021.247
Cộng	259.206.730.622	259.206.730.622	285.791.998.178	285.791.998.178

(i) Khoản vay theo hiệp định vay phụ ngày 28/08/1997 giữa Bộ tài chính và công ty Cấp thoát nước tỉnh Nghệ An (nay là công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An), theo đó Bộ tài Chính đồng ý chuyển cho Công ty vay lại khoản vay bằng đồng Việt Nam tương đương 7.627.000 SDR (11.030.000 USD) theo hiệp định vay số 1514 ký ngày 11/6/1997 do Nước CHXHCN Việt Nam ký với Ngân hàng phát triển Châu Á. Thời hạn của khoản vay là 25 năm, thời gian ân hạn 05 năm kể từ ngày rút vốn, lãi suất 6,8%/năm, tiền gốc và lãi được thanh toán 6 tháng/lần vào các ngày 15/1 và 15/7 bắt đầu từ khi hết thời gian ân hạn. Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 4 năm 2008 điều chỉnh số tiền gốc của khoản vay phụ là 138.799.320.066 VND, lãi suất được giảm xuống còn 5%/năm

(ii) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn ODA số 63/2011/HĐODA-NHPTVN ngày 27/9/2011 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Nghệ An và Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An), tổng số tiền vay theo hợp đồng là 10.927.659,57 EUR, trong đó 10.272.000 EUR để tài trợ 100% giá trị hợp đồng thương mại và 655.659,57 EUR để tài trợ toàn bộ phí bảo hiểm tín dụng của cơ quan bảo hiểm tín dụng của Phần Lan. Thời hạn của khoản vay là 20 năm, thời gian ân hạn 02 năm tính từ ngày 05/11/2012, đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam. Lãi suất cho vay lại: 70% số vốn vay áp dụng lãi suất 3,2%/năm tính trên số dư nợ và 30% số vốn vay còn lại áp dụng mức lãi suất 5,3%/năm trên số dư nợ, phí cho vay lại là 0,2%/năm tính trên dư nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, giá trị tài sản đảm bảo: 387.555.000.000 VND.

(iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng vốn ODA số 213/HTPT/TDNN ngày 25 tháng 9 năm 2001 giữa chi nhánh quỹ hỗ trợ phát triển Nghệ An (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An) và Công ty cấp thoát nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An). Tổng mức vốn cho vay là toàn bộ tiền nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu máy móc thiết bị được Bộ tài chính ghi thu ngân sách Nhà nước, tổng số vốn đã được giải ngân là 5.976.099.979 VND. Thời hạn cho vay là 25 năm, thời gian ân hạn 5 năm, lãi suất cho vay 0%/năm, lãi quá hạn 9%/năm theo số dư nợ. Thời điểm trả gốc và phí là ngày 15/1 và 15/7 hàng năm.

(iv) Là phí cam kết phải trả của hợp đồng vay phụ giữa Bộ tài Chính và Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần cấp nước Nghệ An) cho chương trình phát triển ngành nước Việt Nam, trong đó tổng mức cho vay dự án giai đoạn số 02 là 520.000 USD, dự án giai đoạn số 03 là 19.960.000 USD. Phí cam kết phải trả được tính bằng 0,15% tổng số vốn chưa được giải ngân từ thời điểm bắt đầu hiệp định vay cho dự án giai đoạn 02 là 3.902,01 USD, dự án giai đoạn 03 là 55.724,63 USD. Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2019, khoản vay trên vẫn chưa được giải ngân, Công ty Cổ phần cấp nước Nghệ An đang làm thủ tục với Bộ tài chính để xin hủy khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	337.573.214	-	-	337.573.214
Quỹ phúc lợi	98.149.140	-	(59.612.909)	38.536.231
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	284.327	-	-	284.327
Cộng	436.006.681	-	(59.612.909)	376.393.772

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	373.859.830.000	(619.505.125)	373.240.324.875
Lợi nhuận trong năm trước	-	27.260.010	27.260.010
Số dư cuối năm trước	373.859.830.000	(592.245.115)	373.267.584.885
Số dư đầu năm nay	373.859.830.000	(592.245.115)	373.267.584.885
Lợi nhuận trong năm nay	-	768.711.499	768.711.499
Số dư cuối năm nay	373.859.830.000	176.466.384	374.036.296.384

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
UBND tỉnh Nghệ An	142.278.360.000	142.278.360.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Sông Con	103.419.400.000	103.419.400.000
Ông Nguyễn Đức Hải	89.269.000.000	89.269.000.000
Các cổ đông khác	38.893.070.000	38.893.070.000
Cộng	373.859.830.000	373.859.830.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.385.983	37.385.983
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.385.983	37.385.983
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.385.983	37.385.983

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	253.990.980.366	209.159.704.388
Doanh thu kinh doanh nước sạch	248.534.358.466	204.883.573.675
Doanh thu hoạt động lắp đặt, xây lắp	4.601.635.685	3.455.217.385
Doanh thu khác	854.986.215	820.913.328
Các khoản giảm trừ doanh thu	13.788.904	-
Hàng bán bị trả lại	13.788.904	-
Doanh thu thuần	<u>253.977.191.462</u>	<u>209.159.704.388</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh nước sạch, khác	189.465.019.479	155.886.384.153
Giá vốn hoạt động lắp đặt, xây lắp	2.716.874.072	2.644.539.381
Cộng	<u>192.181.893.551</u>	<u>158.530.923.534</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	4.477.175.028	2.310.379.182
Doanh thu tài chính khác	375	-
Cộng	<u>4.477.175.403</u>	<u>2.310.379.182</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	14.114.983.495	15.236.445.781
Chi phí tài chính khác	375	-
Cộng	<u>14.114.983.870</u>	<u>15.236.445.781</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.966.868.030	16.548.116.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	792.380.231	768.777.561
Chi phí công cụ, đồ dùng	927.750.411	171.472.223
Chi phí DV thu hộ phí thoát nước	375.469.652	496.914.487
Các chi phí khác	219.767.219	95.800.000
Cộng	<u>15.282.235.543</u>	<u>18.081.080.495</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.866.726.096	15.845.096.438
Chi phí đồ dùng văn phòng	35.114.192	510.571.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.336.340	62.681.452
Thuế, phí và lệ phí	452.940.474	174.129.856
Chi phí dự phòng	13.642.746.168	926.808.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.951.296.240	1.818.492.124
Các chi phí khác	4.467.056.463	595.787.343
Cộng	<u>36.615.215.973</u>	<u>19.933.567.250</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt thu được, tiền đấu nối lại đồng hồ	485.633.873	26.024.340
Nợ không phải trả	-	128.299.760
Vật tư thừa khi kiểm kê	21.404.870	67.448.705
Thu nhập kiểm tra chất lượng nước thô	-	77.000.000
Thu nhập bảo dưỡng tuyến nước thô	50.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	1.294.689	175.249.994
Cộng	<u>558.333.432</u>	<u>474.022.799</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ nước không thu hồi được	12.350.545	106.664.324
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	5.483.018
Các khoản khác	7.723	14.496.200
Cộng	<u>12.358.268</u>	<u>126.643.542</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	806.013.092	35.445.767
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	5.483.017
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	5.483.017
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	806.013.092	40.928.784
Lỗi các năm trước được chuyển	(619.505.125)	-
Thu nhập tính thuế	186.507.967	40.928.784
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	<u>37.301.593</u>	<u>8.185.757</u>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>37.301.593</u>	<u>8.185.757</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	768.711.499	27.260.010
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	768.711.499	27.260.010
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	37.385.983	37.385.983
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>20,56</u>	<u>0,73</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.845.748.768	82.451.535.148
Chi phí dụng cụ đồ dùng	962.864.603	924.496.009
Chi phí nhân công	52.125.752.618	54.892.491.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.675.792.970	42.129.366.814
Chi phí sửa chữa cải tạo	22.119.037.762	-
Thuế, phí lệ phí	2.165.476.147	-
Dự phòng	13.642.746.168	926.808.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.909.657.347	3.555.073.294
Chi phí khác	5.380.671.570	11.665.799.443
Cộng	<u>243.827.747.953</u>	<u>196.545.571.279</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm đơn vị không phát sinh giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ Tiền lương, thưởng	1.422.894.000	2.001.072.280

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động của Công trong năm chủ yếu là kinh doanh nước sạch diễn ra trên lãnh thổ tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu). Do đó, Công ty không trình bày các thông tin theo bộ phận

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.892.518.528	66.468.355.337	124.892.518.528	66.468.355.337
Phải thu khách hàng	24.895.811.893	34.472.849.088	24.895.811.893	34.472.849.088
Các khoản phải thu khác	3.304.559.260	2.808.972.402	3.304.559.260	2.808.972.402
Cộng	153.092.889.681	103.750.176.827	153.092.889.681	103.750.176.827
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	285.791.998.178	312.377.265.734	285.791.998.178	312.377.265.734
Phải trả người bán	70.499.046.630	53.211.330.734	70.499.046.630	53.211.330.734
Các khoản phải trả khác	27.366.631.554	16.674.138.051	27.366.631.554	16.674.138.051
Cộng	383.657.676.362	382.262.734.519	383.657.676.362	382.262.734.519

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	26.585.267.556	106.341.070.224	152.865.660.398	285.791.998.178
Phải trả người bán	70.499.046.630	-	-	70.499.046.630
Các khoản phải trả khác	27.366.631.554	-	-	27.366.631.554
Cộng	124.450.945.740	106.341.070.224	152.865.660.398	383.657.676.362
Số đầu năm				
Vay và nợ	26.585.267.556	106.341.070.224	179.450.927.954	312.377.265.734
Phải trả người bán	53.211.330.734	-	-	53.211.330.734
Các khoản phải trả khác	16.674.138.051	-	-	16.674.138.051
Cộng	96.470.736.341	106.341.070.224	179.450.927.954	382.262.734.519

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thay đổi ước tính kế toán

Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 14/BB-HĐQT và Quyết định của Hội đồng quản trị số 22/QĐ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2019 đã thông qua phương án thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định của Công ty để sớm thu hồi vốn, đồng thời đổi mới công nghệ, tạo nguồn vốn để thực hiện dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước thành phố Vinh giai đoạn 01. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm 2019 của Công ty tăng lên 18.478.355.252 VND so với cùng kỳ năm trước.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung.

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Hải